

Giải bài tập SGK Tiếng Anh lớp 10:

Unit 10: Conservation

A. Reading (Trang 104-105-106 SGK Tiếng Anh 10)

Before you read (Trước khi bạn đọc)

Look at the pictures, and then answer the questions. (*Nhìn vào tranh, và sau đó trả lời các câu hỏi.*)

1. Have you ever visited a zoo or a forest? (*Bạn đã từng thăm sở thú hay một khu rừng chưa?*)

=> Yes. I visited a zoo in Ha Noi when I was eleven.

2. What animals are you interested in? Why? (*Bạn quan tâm đến loài động vật nào? Tại sao?*)

=> I'm interested in wild animals such tigers, lions or brown bears, ... because these animals are at risk of being extinct.

3. Do you need to protect animals forests? (*Chúng ta có cần bảo vệ động vật và rừng không?*)

=> Yes. I think we should protect animals and forests, because if we do not, they will disappear in the near future.

While you read (Trong khi bạn đọc)

Read the paragraphs, and then do the tasks that follow. (*Đọc đoạn văn, và sau đó làm các bài tập theo sau.*)

Hướng dẫn dịch:

A. Rừng bị tàn phá đang hủy hoại sự đa dạng về động thực vật trên trái đất. Các nhà khoa học cho biết có khoảng 5000 loài động thực vật bị tiêu diệt hàng năm. Điều này đặc biệt đáng lo ngại vì có nhiều loại cây cỏ và động vật có thể được dùng làm thuốc chữa bệnh ung thư, AIDS, bệnh tim và nhiều bệnh khác. Có thể chúng ta chẳng bao giờ biết được cái giá thật sự của sự hủy hoại này.

B. Con người và hầu hết các loài động vật cần có một lượng nước cung cấp thường xuyên để sống. Nông dân cần nước cho mùa màng. Các đập thủy điện giữ lại lượng nước cần thiết để phát điện dùng cho gia đình và các ngành công nghiệp. Cây cỏ và các loại thực vật khác đóng vai trò quan trọng trong vòng tuần hoàn tự nhiên của nước và do vậy chúng giúp bảo tồn nguồn nước. Không có cây cối, phần lớn nước sẽ chảy đi ngay khi nó rơi xuống, cuốn theo lớp đất màu mỡ. Nước chảy xiết sẽ gây ra lũ lụt thường xuyên và hạn hán vào mùa khô.

C. Ngày nay hầu như tất cả báo chí đều đăng tin về việc tàn phá môi trường do chúng ta đang gây ra. Trái đất đang bị đe dọa và tương lai có vẻ tệ hại. Mỗi người trong chúng ta cần phải làm gì? Chúng ta không thể làm sạch sông, biển đã bị ô nhiễm trong một đêm. Chúng ta cũng không thể ngăn chặn sự biến mất của cây cối và động vật. Nhưng chúng ta có thể không làm vấn đề tệ hại thêm trong khi chờ đợi các nhà khoa học tìm kiếm giải pháp và luật bảo vệ thiên nhiên được thông qua.

Task 1. Match the word in A with a suitable definition in B. (*Ghép từ ở A với phần định nghĩa phù hợp ở B.*)

1-c 2-a 3-d 4-b

Eliminate: tiêu diệt, loại bỏ

Circulation: vòng tuần hoàn

Run-off: chảy xiết

Hydroelectric: thủy điện

Task 2. Decide whether the following statements are true(T) or false (F). (*Xác định xem những phát biểu sau là đúng (T) hay sai (F).*)

1. **T** 2. **T** 3. **T** 4. **T**

5. **F** => Plants hold water back, so they prevent rapid run-off which can cause floods and erosion.

6. **F** => We can stop worsening the problem while scientists search for answers, and laws are passed in nature's defense.

Task 3. Choose the most suitable main idea for each paragraph. (*Chọn ý chính thích hợp nhất cho mỗi đoạn văn.*)

A - 3 B - 4 C - 2

A - 3 Forests give us a lot of valuable things. (*Rừng đem lại cho chúng ta nhiều thứ quý giá.*)

B - 4 Vegetation can help conserve water. (*Thảm thực vật có thể giúp bảo tồn nước.*)

C - 2 Let's do something to save the earth. (*Hãy làm điều gì đó để bảo vệ trái đất.*)

After you read (*Sau khi bạn đọc*)

Answer the following questions. (*Trả lời các câu hỏi sau.*)

1. What is the consequence of losing forest? (*Đâu là hậu quả của việc tàn phá rừng?*)

=> The consequence of losing forest is destroying the earth's plant and animal variety.

2. How important is water in our life? (*Nước quan trọng như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?*)

=> Man and most animals need a constant supply of water to live on.

3. What should we do for the future of our planet? (*Chúng ta nên làm gì cho tương lai của hành tinh của chúng ta?*)

=> We should protect our environment by stopping worsening the problem and by passing laws in nature's defence.

B. Speaking (Trang 106-107 SGK Tiếng Anh 10)

Task 1. *Work in pairs.* Read the paragraphs and answer the questions. (*Làm việc theo cặp. Đọc đoạn văn và sau đó trả lời các câu hỏi.*)

Hướng dẫn dịch:

A. Ngày nay các sở thú rất nhạy cảm về những hình ảnh của chúng. Chúng không muốn được xem như những nơi động vật bị nhốt trái ý muốn của chúng. Thay vào đó, chúng được xem như những nơi mà các chủng loại đang gặp nguy hiểm có thể phát triển. Chúng muốn tái thiết những môi trường thiên nhiên của động vật. Vì thế nơi đó xuất hiện một loại hình sở thú mới.

B. Sở thú Howletts ở Kent thuộc sở hữu của John Aspinall, người nổi tiếng về chương trình nuôi các động vật đang gặp nguy hiểm và đưa chúng trở lại vùng hoang dã. Sở thú có những con khỉ đột lớn nhất thế giới và chính sách của sở thú là cung cấp môi trường như tự nhiên cho các con thú. Đôi khi điều này có thể nguy hiểm, và một số người giữ vườn bị thương và một người đã bị chết.

Trả lời câu hỏi:

1. For what purpose are zoos of the new kind opened? (*Loại hình sở thú mới được mở nhằm mục đích gì?*)

=> They are opened to help endangered species to develop.

2. What are their main features? (*Đặc điểm chính của chúng là gì?*)

=> The animals are run kept in cages. They can live in their natural environment/habitats.

Task 2. Pul a tick (V) in the right box to show your agreement or disagreement. Then share your idea with a partner. (*Tích vào hộp bên phải để biểu thị sự đồng ý hoặc không đồng ý của bạn. Sau đó chia sẻ ý kiến với bạn học.*)

		Yes	No	
Ở loại hình sở thú mới	{	- Động vật có thể được ăn thức ăn tốt hơn.	V	
		- Động vật có thể chịu nhiều căn bệnh nguy hiểm.		V
		- Động vật có thể làm điều chúng muốn.	V	
		- Động vật có thể phát triển.	V	
		- Động vật có thể cảm thấy vui hơn.		V

Task 3. *Work in groups.* Discuss the advantages and disadvantages of zoos of the new kind. Use the cues below: (*Làm việc theo nhóm. Thảo luận lợi ích và tác hại của loại hình sở thú mới. Sử dụng gợi ý dưới đây:*)

A: I think zoos of new kind are very good for animal. What do you think?

B: I agree with you but I have another opinion. It is very expensive to reconstruct animal's natural environment. And then the condition in which wild animals live, I think, is not so good and comfortable as that in the nature.

C: OK. It's true. And the animals cannot do what they want, that is they cannot run, jump, climb or chase the prey as they do in the nature.

A: But in the zoos of the new kind, the endangered animals can safe from being hunted or killed, that is they can develop. Moreover, they can be protected from dangerous diseases in the nature and have better food.

C: However, there's a disadvantage we may not ignore: the dangers that keepers may have. They can be injured or killed by the animals.

Task 4. Make group reports, sharing your views with the rest of the class. (*Làm báo cáo nhóm, chia sẻ quan điểm của bạn với các bạn trong lớp.*)

Gợi ý cho đoạn văn không đồng ý:

I represent for **group 5** to share our view about new kind of zoo. We disagree with this because of following reasons.

Firstly, It is very expensive to reconstruct animal's natural environment.

Secondly, the condition in which wild animals live is not so good and comfortable as that in the nature.

Last but not least, keepers can be injured or killed by the animals.

As a result, we shouldn't develop zoo of new kind.

C. Listening (Trang 107-108 SGK Tiếng Anh 10)

Before you listen (*Trước khi bạn nghe*)

Work in pairs. Talk about what may cause a forest fire. (*Làm việc theo cặp. Nói về những nguyên nhân gây cháy rừng.*)

A forest fire can be made mostly by a careless cigarette butt or a campfire. Sometimes a lightning can be the cause of a forest fire, especially in the very dry weather.

Campfire: lửa trại forester: kiểm lâm

Valuable: quý giá awful: khủng khiếp

While you listen (*Trong khi bạn nghe*)

Task 1. Listen and number the events in the order you hear. (*Nghe và đánh số các sự kiện theo thứ tự bạn nghe được.*)

1. It's an unpleasant thing to see a great forest fire.

2. In late summer, fire is the greatest danger to forests, and sometimes people are not allowed to go into them.
3. A campfire near a heap of leaves may easily cause a forest fire.
4. A forest fire destroys valuable wood, wildlife and good soil.
5. All of us must care for our great forests and save them from fire.

Task 2. Listen again and decide whether the following statements are true (T) or false(F).
(*Nghe lại và xác định xem các phát biểu sau là đúng (T) hay sai (F).*)

1.F 2.F 3.T 4.T 5.F

Task 3. Listen again, and tick (V) the sentences you hear. (*Nghe lại, và tích dấu (V) vào các câu bạn nghe được.*)

1-a 2-b 3-a

After you listen (*Sau khi bạn nghe*)

Work in pairs. Say how a forest fire may start and what every camper ought to remember.
(*Làm việc theo cặp. Hãy nói xem một đám cháy rừng có thể bắt đầu như thế nào và mỗi người cắm trại cần ghi nhớ điều gì.*)

Gợi ý:

A forest fire can start with a small burning cigarette butt, or with a burning campfire near a heap of dry leaves or grass. Sometimes a lightning can cause a forest, too.

Every camper ought to remember to put out the campfire before he leaves the place by covering it with earth. And another thing they should keep in their mind is they should not make a campfire near heaps of dead leaves or grass, especially in the very dry weather.

TAPESCRIPT - Nội dung bài nghe:

Have you ever seen a forest destroyed by fire? A great forest fire is an awful thing to see. Once a fire has started, it spreads quickly. Foresters say that late summer is the season when fire is the greatest danger to woods and foresters.

They are very dry then. Sometimes when the danger of fire is very great, foresters will not allow anyone to go into the forests.

If people leave a campfire burning near a heap of leaves, this often causes a forest fire. Campers must always remember to put out their campfire and cover the place with earth. It is the duty of every camper to take the greatest care not to start a forest fire.

Anyone careless enough to start a forest fire has done something, which makes life more difficult for all of US. Every fire destroys valuable wood, wild life, and good soil. Everyone of US must know how important it is to care for our great forests and save them from fire.

D. Writing (Trang 109-110 SGK Tiếng Anh 10)**A letter of invitation** (*Thư mời*)

Task 1. Write out the sentences by matching the first half in A with the most suitable half in B. (*Viết thành câu bằng cách ghép nửa câu đầu ở A với phần nửa câu thích hợp nhất ở B.*)

1-c 2-f/h 3-a 4-g/d 5-h/f 6-d/g 7-e 8-b

Ví dụ cho **2. f/h**:

=> **Why don't you** join us in this trip?

=> **Why don't you** sing us a Vietnamese song?

Task 2. Fill in each blank in these invitation letters with a suitable expression provided in Task 1. (*Điền vào mỗi chỗ trống trong các lá thư mời này với cách diễn đạt thích hợp đã được cho trong Bài tập 1.*)

1. Would you like / Are you free
2. Would you like / Are you free / How about
3. Can you / Why don't you / Shall we

Task 3. Nam invites his friend - Lam, who is now living in a different town, to spend a weekend with him. Help Nam to write a letter, using the cues below. (*Nam mời bạn anh ta - Lâm, người hiện đang sống ở thành phố khác, tới nghỉ cuối tuần với anh ta. Giúp Nam viết lá thư cho Lâm, sử dụng các gợi ý dưới đây.*)

Dear Lam,

We haven't met since you moved. I miss you a lot. We are both having some days off between the two terms soon. If you haven't made any other plans, why don't we spend a weekend together?

Do you feel like visiting the forest near my grandparents' home again? It looks quite different now because very many young trees have been planted at the Tree-Planting Festivals.

Do come if you find it possible and I'll make all the preparations then. Give my love to your parents.

Your friend,

Nam

E. Language Focus (Trang 110-111 SGK Tiếng Anh 10)

Grammar

The passive voice (*Thể bị động*)

Exercise 1. Choose the right form of the verbs in brackets. (*Chọn dạng đúng của động từ trong ngoặc.*)

1. were reported 2. Grow 3. be spoken
4. am not invited 5. are being built

Exercise 2. Put the verbs in brackets in the correct form. (*Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc.*)

1. came - had started - were
2. is standing - is being photographed
3. Have ... been told
4. was being laid - decided
5. will ... be planted

Exercise 3. Fill in each blank with the correct form of a verb in the box. (*Điền vào mỗi chỗ trống dạng đúng của động từ trong khung.*)

arrive be clean meet take
make organize put prepare serve

1. was organized 2. Arrived 3. were not 4. Taken 5. had been leaned
6. had been put 7. Was 8. Prepared 9. Made 10. were served